

Số: **63** /QĐ-BNN-TC

Hà Nội, ngày **24** tháng 01 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2011 (lần 1)

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/1/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 09/2008/QĐ-BNN-TC ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BNN-TC ngày 20/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn v/v giao dự toán NSNN năm 2011 (lần 1) cho các đơn vị dự toán trực thuộc Bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi NSNN năm 2011 cho **Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản** (chi tiết theo biểu đính kèm).

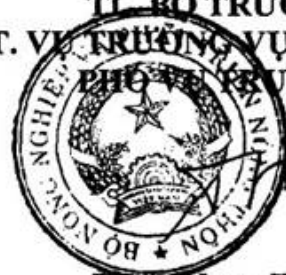
Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2011 được giao, thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Kho bạc NN nơi giao dịch;
- Lưu: VT, TC.

**TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TÀI CHÍNH
PHẠM NGỌC THỦY**



Phạm Ngọc Thủy

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2011

(Kèm theo Quyết định số 63/2011/QĐ-NSNN - TC ngày 24 /01/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản

Mã số tài khoản ngân sách: 1053954

Kho bạc Nhà nước Ba Đình

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	NỘI DUNG	Tổng số
I	DỰ TOÁN THU NSNN	
1	Số thu phí lệ phí	155.885.000
2	Số chi từ phí lệ phí	148.091.000
3	Số nộp NSNN	7.794.000
II	DỰ TOÁN CHI NSNN (1+2+3)	3.900.000
1	Chi Sự nghiệp kinh tế thủy sản (Loại 010-023)	900.000
1.1	Kinh phí thường xuyên	
1.2	Kinh phí không thường xuyên	900.000
2	Chi Sự nghiệp kinh tế nông nghiệp (Loại 010-013)	2.800.000
2.1	Kinh phí thường xuyên	
2.2	Kinh phí không thường xuyên	2.800.000
3	Chi nghiên cứu khoa học (Loại 370 - 371)	200.000
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	200.000
	Trong đó kinh phí khoán chi	
3.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	
3.3	Kinh phí không thường xuyên	

Ghi chú:

1. Sự nghiệp kinh tế thủy sản 900 trđ, bao gồm: Chương trình giám sát QG về VSATTP thủy sản sau thu hoạch: 400 trđ và Hoạt động ngăn chặn tạp chất: 500 trđ.

2. Sự nghiệp kinh tế nông nghiệp 2.800 trđ, bao gồm: Kiểm tra ATVSTP chất lượng phân bón, thức ăn chăn nuôi, rau, chè: 2.000 trđ và Dự án điều tra cơ bản: 800 trđ